

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Trần Thị Giang

Môn học: Toán

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Trần Thị Giang

Môn học: Toán

Lớp giảng dạy: 11B3, 11B5, 11B6, 12C7

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 11B3

MÔN: TOÁN

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Cao Thị Minh An											
2	Nguyễn Duy Anh											
3	Trần Lê Anh Duy											
4	Lê Thùy Duyên											
5	Phạm Huy Hoàng											
6	Lê Minh Huy											
7	Nguyễn Thành Huy											
8	Nguyễn Thu Huyền											
9	Đặng Minh Khoa											
10	Nguyễn Thị Kỳ											
11	Dương Võ Hoài Trúc Linh											
12	Tổng Thị Thùy Linh											
13	Nguyễn Thị Kim Mỹ											
14	Võ Thị Thu Ngân											
15	Nguyễn Vũ Trung Nghĩa											
16	Lê Thị Thảo Nguyên											
17	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên											
18	Thái Võ Hồng Nhung											
19	Võ Thị Hoàng Oanh											
20	Lê Trung Phiên											
21	Lê Hồng Phúc											
22	Nguyễn Như Phụng											
23	Nguyễn Văn Phụng											
24	Trần Vinh Quang											
25	Võ Thụy Lan Quyên											
26	Võ Thanh Sang											
27	Phạm Thị Tố Tâm											
28	Phạm Huỳnh Thái											
29	Đỗ Thanh Thảo											
30	Trần Như Thảo											
31	Nguyễn Phạm Minh Thiên											
32	Võ Xuân Thịnh											
33	Văn Thành Thông											
34	Cao Thị Thu Thủy											
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên											
36	Hứa Thị Thùy Trang											
37	Nguyễn Thị Hân Trang											
38	Đỗ Ngọc Trân											
39	Đoàn Minh Trí											
40	Dương Nhất Trung											
41	Huỳnh Thị Kim Vàng											
42	Nguyễn Thảo Nguyên											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 11B5

MÔN: TOÁN

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Minh Chánh											
2	Nguyễn Thị Diễm Chi											
3	Lê Đức Cường											
4	Trần Nguyễn Tiến Đạt											
5	Huỳnh Đước											
6	Trần Hương Giang											
7	Nguyễn Ngọc Giàu											
8	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh											
9	Trần Thị Mai Hạnh											
10	Đình Bảo Hiếu											
11	Lê Nguyễn Trung Hiếu											
12	Nguyễn Hữu Hoàng											
13	Lê Lâm Huy											
14	Mẫu Thị Kim Hy											
15	Trần Đình Khôi											
16	Trần Thị Mỹ Lệ											
17	Nguyễn Thanh Trúc Ly											
18	Nguyễn Đức Mạnh											
19	Nguyễn Văn Tấn Minh											
20	Bùi Thị Kiều My											
21	Huỳnh Văn Nam											
22	Lê Thị Thu Ngân											
23	Hồ Thanh Nhân											
24	Trương Thị Yên Nhi											
25	Trần Kim Quang											
26	Văn Nguyễn Minh Quân											
27	Trần Anh Quốc											
28	Nguyễn Lê Thảo Quyên											
29	Trần Ngọc Sương											
30	Trần Ngọc Thạch											
31	Cao Thị Thiệu											
32	Mang Thị Kim Thủy											
33	Đình Thị Minh Thư											
34	Trần Quốc Tiến											
35	Trần Việt Tiến											
36	Mẫu Hoàng Tin											
37	Trần Thị Diệu Trinh											
38	Trần Bình Trọng											
39	Hồ Hữu Quốc Trung											
40	Nguyễn Quốc Trung											
41	Hồ Phi Trường											
42	Nguyễn Công Khánh Trường											
43	Lý Nguyễn Cát Tường											
44	Nguyễn Thụy Gia Viên											
45	Đoàn Đặng Bảo Yến											
46	NGUYỄN NGỌC LAN ANH											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 12C7

MÔN: TOÁN

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Tạ Hồng Ân											
2	Cao Thị Bé Chi											
3	Đặng Ngọc Minh Chiến											
4	Phạm Đình Chương											
5	Nguyễn Mỹ Đan											
6	Cao Thị Đào											
7	Đỗ Ngọc Hạ											
8	Hồ Thị Thuý Hằng											
9	Huỳnh Lâm Trung Hiếu											
10	Nguyễn Huy Hoàng											
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ											
12	Tạ Thị Khánh Huyền											
13	Nguyễn Nữ Bảo Khanh											
14	Phạm Huỳnh Anh Kiệt											
15	Nguyễn Kiều Linh											
16	Hồ Văn Lợi											
17	Trần Thiên Minh											
18	Ly Na											
19	Nguyễn Xuân Trúc Ngân											
20	Bạch Xuân Ni											
21	Nguyễn Nhật Quang											
22	Cao Thị Sara											
23	Nguyễn Huệ Lan Thanh											
24	Nguyễn Thị Thúy Thanh											
25	Nguyễn Hưng Thịnh											
26	Cao Đoàn Thị Minh Thư											
27	Hoàng Thị Hồng Trang											
28	Đặng Thị Hồng Trâm											
29	Cao Thị Trinh											
30	Phan Minh Tuấn											
31	Hồ Ngọc Anh Tuyên											
32	Lê Thị Minh Tuyên											
33	Trần Thị Vân											
34	Ngô Trần Thành Vĩnh											
35	Nguyễn Thanh Vũ											
36	Phạm Thị Như Yến											
37	Lê Thị Phương Linh											
38	Lê Xuân Vũ											
39	Nguyễn Ngọc Triệu Vy											
40	Trần Thị Phương Hoa											
41	Phạm Minh Thư											
42	Lê Thị Mai Xuân											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%



